

BẢN SAO

**TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC MIỀN BẮC
CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC HÀ SƠN BÌNH**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số CT: 9787 Quyển số: 07 UB/CTSGT

29 -12- 2014

CHỦ TỊCH UBND PHƯỜNG YẾT KIỆU



PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Quang Thiện

Hà Nội, tháng 3 năm 2013

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	2-3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4-5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8-19

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Lương thực Hà Sơn Bình (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Đình Mạo	Chủ tịch HĐQT
Ông Nguyễn Văn Hiền	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Kim Phượng	Thành viên
Ông Nguyễn Trung Minh	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Triển	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Đình Mạo	Giám đốc
Ông Nguyễn Trung Minh	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Hiền	Phó Giám đốc
Ông Đặng Kiên Cường	Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Nguyễn Đình Mạo
Giám đốc

Hà Nội, ngày 07 tháng 02 năm 2013

Số: 123 /VACO/BCKT.KT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Lương thực Hà Sơn Bình

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán bằng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2012 cùng với các báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là Báo cáo tài chính) của Công ty Cổ phần Lương thực Hà Sơn Bình (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 07/02/2013 từ trang 04 đến trang 19. Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 1, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập các báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Báo cáo tài chính năm 2011 của Công ty được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác, báo cáo kiểm toán đề ngày 16/02/2012 với ý kiến chấp nhận từng phần.

Cơ sở của ý kiến

Ngoại trừ hạn chế trong phạm vi kiểm toán dưới đây, chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Hạn chế trong phạm vi kiểm toán

Theo yêu cầu của Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam, là kiểm toán viên năm đầu tiên thực hiện kiểm toán cho Công ty, theo đó chúng tôi phải thực hiện các thủ tục kiểm toán đối với số liệu đầu năm của năm 2012; tuy nhiên, cho đến thời điểm phát hành báo cáo này Công ty chưa cung cấp các tài liệu, hồ sơ để thực hiện công việc kiểm toán này, theo đó chúng tôi không có đủ cơ sở để đưa ra ý kiến nhận xét về tính hiện hữu, và giá trị của các chỉ tiêu được trình bày trên số liệu đầu năm của báo cáo tài chính cũng như ảnh hưởng của chúng đến số liệu tại ngày 31/12/2012 của Công ty.

Trong quá trình kiểm toán, chúng tôi không được Công ty cung cấp các tài liệu, hồ sơ, sổ kế toán để thực hiện kiểm toán tính đúng kỳ của số liệu trình bày trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 của Công ty, theo đó, chúng tôi không đủ cơ sở để đưa ra ý kiến về tính đầy đủ và tính đúng kỳ của các khoản doanh thu, chi phí và cũng như ảnh hưởng của nó đến các chỉ tiêu khác trên báo cáo tài chính tại ngày 31/12/2012 của Công ty.

Chúng tôi đã thực hiện các thủ tục gửi thư xác nhận đối với các khoản Công nợ phải thu, phải trả, số dư các khoản tiền gửi ngân hàng, đầu tư ngắn hạn, dài hạn. Tuy nhiên, cho đến thời điểm hiện tại, chúng tôi chưa nhận được phản hồi các thư xác nhận này, theo đó, chúng tôi không có đủ cơ sở để đưa ra ý kiến đánh giá về tính hiện hữu và giá trị của các chỉ tiêu tài chính tại ngày 31/12/2012 của Công ty.

Tại thời điểm 31/12/2012, theo kế hoạch kiểm kê được bố trí của Công ty, chúng tôi chỉ thực hiện được công việc chứng kiến kiểm kê tại các Chi nhánh Thanh Hoà, Thạch Mỹ và Đồng Tháp cho các khoản mục tiền mặt (đạt tỷ lệ 39,32% trên tổng số dư tiền mặt tồn quỹ của toàn Công ty), hàng tồn kho (đạt tỷ lệ 38,67% trên tổng số dư hàng tồn kho của toàn Công ty); Văn phòng Công ty và các chi nhánh còn lại chúng tôi không thực hiện chứng kiến kiểm kê; thủ tục kiểm toán chứng kiến kiểm kê bổ sung tại Văn phòng Công ty đã được đề nghị, nhưng không được Công ty chấp thuận. Theo đó, chúng tôi không có đủ cơ sở để đưa ra ý kiến đánh giá về tính hiện hữu của khoản mục Tiền, Hàng tồn kho tại ngày 31/12/2012 của Công ty.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN (Tiếp theo)

Không thống nhất trong xử lý kế toán

Công ty đang ghi nhận chi phí lãi vay phát sinh của năm 2012 trên mục Phải thu khác ngắn hạn với giá trị 1.550.000.000 đồng trên cơ sở Hồ sơ hỗ trợ lãi suất tiền vay Ngân hàng phục vụ cho việc mua tạm trữ thóc, gạo của vụ Đông Xuân và Hè Thu theo chỉ đạo của Chính phủ; theo hướng dẫn của Bộ Tài chính thì khoản lãi vay này sẽ được Nhà nước hỗ trợ. Đến thời điểm lập báo cáo này, Công ty đang chờ cơ quan có thẩm quyền phê duyệt số lãi vay được hỗ trợ.

Ý kiến ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ các ảnh hưởng vi phạm chế độ trong phạm vi kiểm toán và không thống nhất trong xử lý kế toán nêu trên, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan.



Nguyễn Đức Tiên
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0517/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Hà Nội, ngày 07 tháng 02 năm 2013

Chử Mạnh Hoan
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1403/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	Mẫu B 01-DN Đơn vị tính: VND 01/01/2012 (trình bày lại)
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+150)	100		90.317.028.928	80.050.113.929
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	18.508.675.541	8.397.330.379
1. Tiền	111		18.508.675.541	8.397.330.379
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		16.266.985.762	23.549.697.441
1. Phải thu khách hàng	131	5	13.639.015.079	22.627.838.199
2. Trả trước cho người bán	132	6	833.197.200	889.637.606
5. Các khoản phải thu khác	135	7	1.794.773.483	32.221.636
III. Hàng tồn kho	140	8	32.825.609.519	35.477.828.473
1. Hàng tồn kho	141		32.825.609.519	35.477.828.473
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		22.715.758.106	12.625.257.636
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	85.588.656	37.548.325
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		9.032.115.558	6.956.835.394
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		734.002.072	121.035.277
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	10	12.864.051.820	5.509.838.640
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 220+250)	200		16.351.555.847	18.290.329.622
I. Tài sản cố định	220		13.659.625.070	15.598.398.845
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	13.659.625.070	15.598.398.845
- Nguyên giá	222		24.745.711.137	25.838.705.008
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(11.086.086.067)	(10.240.306.163)
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	12	2.691.930.777	2.691.930.777
1. Đầu tư dài hạn khác	258		2.691.930.777	2.691.930.777
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		106.668.584.775	98.340.443.551

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012


MẪU B 01-DN
 Đơn vị tính: VND


NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012 (trình bày lại)
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		89.170.520.764	78.432.939.754
I. Nợ ngắn hạn	310		89.170.520.764	78.432.242.657
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	13	85.317.060.000	71.364.404.722
2. Phải trả người bán	312		39.165.970	235.976.168
3. Người mua trả tiền trước	313		-	4.725.000.000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	14	1.400.669.692	1.895.777.356
5. Phải trả người lao động	315		123.413.679	17.442.873
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	15	2.116.854.218	41.028.067
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		173.357.205	152.613.471
II. Nợ dài hạn	330		-	697.097
1. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	697.097
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400		17.498.064.011	19.907.503.797
I. Vốn chủ sở hữu	410	16	17.498.064.011	19.907.503.797
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		17.890.280.000	17.890.280.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	417		1.777.152.808	1.486.350.067
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		301.734.074	236.068.829
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(2.471.102.871)	294.804.901
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400)	440		106.668.584.775	98.340.443.551



Nguyễn Đình Mạo
 Giám đốc

Hà Nội, ngày 07 tháng 02 năm 2013


 Đào Thị Hoàng Yến
 Kế toán trưởng


 Đào Thị Hoàng Yến
 Người lập

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

MẪU B 02-DN
 Đơn vị tính: VND
 Năm 2011
 (trình bày lại)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011 (trình bày lại)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		439.131.992.751	388.793.356.430
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	17	439.131.992.751	388.793.356.430
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	18	419.369.977.277	370.052.574.867
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		19.762.015.474	18.740.781.563
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	433.401.842	2.845.456.355
7. Chi phí tài chính	22	21	8.678.417.373	9.250.465.637
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		8.678.417.373	9.188.204.097
8. Chi phí bán hàng	24		9.437.021.198	10.184.669.774
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		3.561.447.790	3.345.132.554
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		(1.481.469.045)	(1.194.030.047)
11. Thu nhập khác	31		5.837.238.001	1.533.041.934
12. Chi phí khác	32		5.808.371.827	2.092.000
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	22	28.866.174	1.530.949.934
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(1.452.602.871)	336.919.887
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	23	-	42.114.986
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		(1.452.602.871)	294.804.901
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	24	(812)	165



Nguyễn Đình Mạo
 Giám đốc

Hà Nội, ngày 07 tháng 02 năm 2013

Đào Thị Hoàng Yến
 Kế toán trưởng

Đào Thị Hoàng Yến
 Người lập

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Lương thực Hà Sơn Bình gọi tắt là "Công ty" được thành lập theo quyết định số 2997/QĐ/BNN-ĐMDN ngày 31/10/2005 của Bộ Nông nghiệp và phát triển Nông thôn, theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần lần đầu số 0103000490 ngày 12/06/2006 do Sơ kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tây (nay thuộc thành phố Hà Nội) cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 17/07/2009.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 17.890.280.000 đồng.

Văn phòng của Công ty đặt tại số 430 đường Cầu Am, Vạn Phúc, Hà Đông, Hà Nội.

Công ty có các chi nhánh sau:

Chi nhánh Lương thực Hà Đông	37 Bà Triệu - TX Hà Đông
Chi nhánh Lương thực Phú Tín	Thị trấn Thường tín - Hà Nội
Chi nhánh Lương thực Thanh Hòa	Xã Liên Bạt - Ứng hòa - Hà nội
Chi nhánh Lương thực Thạch Mỹ	Thị trấn Liên Quan - Thạch Thất - Hà Nội
Chi nhánh Lương thực Đan Hoài	Thị trấn Phùng - Đan Phượng - Hà Nội
Chi nhánh Lương thực Sơn tây	120 Lê Lợi TX Sơn Tây - Hà Nội
Chi nhánh Lương thực Hòa Bình	Tổ 13 - P. Đồng Tiến - TP Hòa Bình
Chi nhánh Lương thực Đồng Tháp	24/7 Khóm Hòa An - P2 - TX Sa đéc - Đ/Tháp

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Kinh doanh buôn bán lương thực, công nghiệp xay xát, chế biến lương thực, thực phẩm, nông sản, đại lý tiêu thụ hàng hóa, cung ứng, ủy thác, xuất khẩu lương thực;
- Dự trữ lưu thông chế biến và kinh doanh bán buôn, bán lẻ nông sản thực phẩm, vật tư nông nghiệp, vật liệu xây dựng, kinh doanh bán lẻ đại lý xăng dầu;
- Kinh doanh bán lẻ đại lý xăng dầu, hàng công nghệ phẩm;
- Dịch vụ kinh doanh điện tử, dịch vụ ăn uống nhà nghỉ, vận tải hành khách và hàng hóa, lữ hành nội địa, kinh doanh đại lý nước giải khát có cồn và không có cồn;
- Mua bán thóc lá, thuốc Lào, đường sữa, bánh kẹo;
- Dịch vụ văn phòng, cho thuê nhà phục vụ các mục đích kinh doanh, kinh doanh bất động sản, dịch vụ nhà đất, kinh doanh siêu thị, kinh doanh chế biến các mặt hàng nông sản.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan.

Cho đến thời điểm lập báo cáo tài chính này chưa có hướng dẫn cụ thể từ Bộ Tài chính cho việc áp dụng các quy định trong Thông tư số 210/2009/TT-BTC ("Thông tư 210"), ngày 6 tháng 11 năm 2009 về việc hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Do đó, các công cụ tài chính trong các báo cáo tài chính này vẫn được trình bày theo giá gốc. Tuy nhiên, Công ty đã nghiên cứu và phân tích ảnh hưởng của Thông tư này đến báo cáo tài chính của Công ty. Ban Giám đốc Công ty đánh giá, Thông tư này không ảnh hưởng trọng yếu đến các số liệu trình bày trong kỳ này và các kỳ kế toán trước của Công ty.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính, Công ty đã tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan.

Các bên liên quan

Các công ty có vốn góp của Tổng Công ty Lương thực miền Bắc; Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc của Công ty.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Các khoản phải thu được ghi nhận theo giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo).

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao (tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Thời gian khấu hao (Số năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	12 - 50
Máy móc, thiết bị	10 - 15
Phương tiện vận tải	06 - 10

Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được phản ánh là số vốn thực góp của các cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế được phân phối và các quỹ được trích lập theo quyết định của đại hội đồng cổ đông và điều lệ Công ty.

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo).

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản phương pháp dựa trên bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả kinh doanh và chỉ được ghi vào vốn chủ sở hữu nếu liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	(trình bày lại) VND
Tiền mặt	8.856.855.864	6.184.004.000
Tiền gửi ngân hàng	9.651.819.677	2.213.326.379
Cộng	<u>18.508.675.541</u>	<u>8.397.330.379</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	31/12/2012 /2012 (trình bày lại)	
	VND	VND
Tổng công ty lương thực miền Nam	9.149.690.039	17.206.573.759
Các đối tượng khác	4.489.325.040	5.421.264.440
	13.639.015.079	22.627.838.199

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2012 /2012 (trình bày lại)	
	VND	VND
Công ty TNHH Thảo Yên	833.197.200	833.197.200
Các đối tượng khác	-	56.440.406
	833.197.200	889.637.606

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2012 /2012 (trình bày lại)	
	VND	VND
Lãi tiền vay đang đề trình được hỗ trợ	1.550.000.000	-
Phải thu khác	244.773.483	32.221.636
	1.794.773.483	32.221.636

Theo Quyết định số 287/QĐ-TTg ngày 09/3/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc mua tạm trữ thóc, gạo vụ Đông - Xuân năm 2011-2012 và Quyết định số 812/QĐ-TTg ngày 02/07/2012 của Thủ tướng Chính phủ về mua tạm trữ thóc, gạo vụ Hè - Thu năm 2012; Công ty sẽ được Ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% lãi suất tiền vay khi thực hiện thu mua, tạm trữ Thóc, Gạo; do đó, Công ty đang ghi nhận giảm Chi phí tài chính của năm 2012 và chờ phê duyệt, bồi hoàn từ Ngân sách Nhà nước thông qua Tổng Công ty Lương thực Miền Bắc với tổng giá trị lãi tiền vay phát sinh cho hai (02) vụ là 1.550.000.000 đồng.

8. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	(trình bày lại) VND
Công cụ, dụng cụ	56.822.727	22.000.000
Hàng hoá	32.768.786.792	35.455.828.473
Cộng	32.825.609.519	35.477.828.473
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện của hàng tồn kho	32.825.609.519	35.477.828.473

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	(trình bày lại) VND
Số dư đầu năm	37.548.325	-
- Tăng trong năm	48.040.331	37.548.325
Số dư cuối năm	85.588.656	37.548.325

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

10. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2012 VND	01/01/2012 (trình bày lại) VND
Tạm ứng	12.764.051.820	5.509.838.640
Cầm cố, ký cược, ký quỹ ngắn hạn	100.000.000	-
Cộng	12.864.051.820	5.509.838.640

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2012	21.035.049.581	2.590.850.242	2.212.805.185	25.838.705.008
Thanh lý, nhượng bán	(1.092.993.871)	-	-	(1.092.993.871)
Tại ngày 31/12/2012	19.942.055.710	2.590.850.242	2.212.805.185	24.745.711.137
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2012	8.267.715.769	425.368.409	1.547.221.985	10.240.306.163
Khấu hao trong năm	460.756.745	244.762.000	300.418.955	1.005.937.700
Thanh lý, nhượng bán	(160.157.796)	-	-	(160.157.796)
Tại ngày 31/12/2012	8.568.314.718	670.130.409	1.847.640.940	11.086.086.067
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 01/01/2012	12.767.333.812	2.165.481.833	665.583.200	15.598.398.845
Tại ngày 31/12/2012	11.373.740.992	1.920.719.833	365.164.245	13.659.625.070

Nguyên giá tài sản cố định hết khấu hao vẫn sử dụng là: 1.668.669.554 VND.

Giá trị còn lại của tài sản cố định chờ thanh lý là: 639.183.667 VND.

Giá trị còn lại tài sản cố định mang đi thế chấp cho các khoản vay là: 2.333.995.584 VND

12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2012 VND	01/01/2012 (trình bày lại) VND
Đầu tư dài hạn khác	2.691.930.777	2.691.930.777
Cộng	2.691.930.777	2.691.930.777

Đầu tư dài hạn khác thể hiện:

(1). Giá trị khoản góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Phân phối bán lẻ (VNFI) theo Biên bản góp vốn thành lập ngày 29/04/2008 giữa Tổng Công ty Lương thực Miền bắc và các công ty con tham gia góp vốn; giá trị vốn góp thể hiện bằng tài sản cố định với số tiền 731.813.000 đồng; giá trị lợi thế kinh doanh với số tiền 1.163.187.000 đồng và tiền mua cổ phiếu với giá trị 270.710.000 đồng.

(2). Giá trị khoản góp vốn vào Công ty Cổ phần Quang Trung theo Biên bản bàn giao tài sản và các nguồn lực kinh tế xã hội từ doanh nghiệp nhà nước sang Công ty cổ phần ngày 05/10/2005 với số tiền 526.220.777 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

13. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	(trình bày lại) VND
Vay ngắn hạn	85.317.060.000	71.364.404.722
Cộng	85.317.060.000	71.364.404.722

Chi tiết theo ngân hàng:

	31/12/2012	2012 (trình bày lại)
	VND	VND
Ngân hàng Ngoại thương Hà Tây	-	14.989.907.222
Ngân hàng Liên Việt	5.623.560.000	-
Ngân hàng Công thương Sông Nhuệ	79.693.500.000	56.374.497.500
	85.317.060.000	71.364.404.722

Vay ngắn hạn tại ngày 31/12/2012 bao gồm:

- Khoản vay ngắn hạn theo các hợp đồng vay vốn của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Sông Nhuệ là 79.693.500.000 đồng; Mục đích vay: mua nguyên vật liệu, hàng hóa, trả lương nhân công và các khoản chi phí khác phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty; Lãi suất cho vay ngắn hạn sản xuất kinh doanh của ngân hàng TMCP Ngoại thương chi tiết cho từng lần nhận nợ - Lãi suất dao động từ 12% đến 17,6%/năm, thời hạn vay tối đa 06 tháng (theo thoả thuận);
- Khoản vay ngắn hạn theo các hợp đồng vay vốn của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Liên Việt là 270.000 USD (tương đương 5.623.560.000 đồng); Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh mặt hàng gạo của Công ty (chi tiết cho từng lần nhận nợ); Lãi suất 6%/năm, thời hạn vay 12 tháng (theo thoả thuận);

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	(trình bày lại) VND
Thuế GTGT phải nộp	1.400.325.951	1.668.947.831
Thuế thu nhập cá nhân	343.741	-
Tiền thuê đất	-	226.829.525
Cộng	1.400.669.692	1.895.777.356

15. PHẢI TRẢ PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2012	2012 (trình bày lại)
	VND	VND
Khách hàng chuyển nhầm tiền	2.034.732.000	-
Phải trả ngắn hạn khác	82.122.218	41.028.067
	2.116.854.218	41.028.067

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 31/12/2010	17.890.280.000	1.085.678.210	160.942.829	1.752.938.998	20.889.840.037
Lãi (lỗ) trong năm	-	-	-	294.804.901	294.804.901
Phân phối lợi nhuận	-	400.671.857	75.126.000	(1.752.938.998)	(1.277.141.141)
Số dư tại ngày 01/01/2012	17.890.280.000	1.486.350.067	236.068.829	294.804.901	19.907.503.797
Sau điều chỉnh hồi tố					
Lãi (lỗ) trong năm	-	-	-	(1.452.602.871)	(1.452.602.871)
Phân phối lợi nhuận (*)	-	290.802.741	65.665.245	(1.313.304.901)	(956.836.915)
Số dư tại ngày 31/12/2012	17.890.280.000	1.777.152.808	301.734.074	(2.471.102.871)	17.498.064.011

(*) Lợi nhuận phân phối trong năm theo QĐ số 257/TCTLTMB-HDTV ngày 11/04/2012 về việc phân phối lợi nhuận năm 2011, cụ thể:

	Năm 2012 VND
Trích Quỹ Đầu tư Phát triển	290.802.741
Trích Quỹ Dự phòng tài chính	65.665.245
Trích Quỹ Khen thưởng phúc lợi	58.761.915
Chia cổ tức cho cổ đông thường	898.075.000
Cộng	1.313.304.901

Tình hình phát hành cổ phiếu của Công ty

	31/12/2012 Cổ phiếu	01/01/2012 (trình bày lại) Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.789.028	1.789.028
+ Cổ phiếu phổ thông	1.789.028	1.789.028
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.789.028	1.789.028
+ Cổ phiếu phổ thông	1.789.028	1.789.028
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng):	10.000	10.000

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh		Vốn đã góp 31-12-12	
	VND	%	VND	%
Tổng Công ty Lương thực Miền Bắc	14.495.280.000	81%	13.595.280.000	76%
Các cổ đông cá nhân khác	3.395.000.000	19%	4.295.000.000	24%
Tổng cộng	17.890.280.000	100%	17.890.280.000	100%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

17. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	439.131.992.751	388.793.356.430
- Doanh thu bán hàng hoá	218.699.233.453	388.793.356.430
- Doanh thu bán thành phẩm	220.432.759.298	-
Tổng	439.131.992.751	388.793.356.430
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	439.131.992.751	388.793.356.430

18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Giá vốn cung cấp hàng hoá, thành phẩm	419.369.977.277	370.052.574.867
Cộng	419.369.977.277	370.052.574.867

19. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	147.824.366.165	118.764.833.700
Chi phí nhân công	551.103.255,1	4.116.050.056
Chi phí khấu hao tài sản cố định	977.553.700	849.556.149
Chi phí dịch vụ mua ngoài	862.799.662,5	7.999.609.107
Chi phí khác	795.754.681	2.751.975.237
Cộng	1.63.736.703.722	134.482.024.249

20. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	433.401.842	881.278.822
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	1.964.177.533
Cộng	433.401.842	2.845.456.355

21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lãi tiền vay	8.678.417.373	9.188.204.097
Chi phí tài chính khác	-	62.261.540
Cộng	8.678.417.373	9.250.465.637

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

22. LỢI NHUẬN KHÁC

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Thu từ thanh lý tài sản cố định	978.003.675	-
Thu tiền bồi thường tổn thất từ Bảo hiểm	4.859.234.326	-
Thu từ bồi thường thiệt hại từ Bảo hiểm	-	1.533.041.934
Cộng	5.837.238.001	1.533.041.934
Giá trị còn lại của tài sản cố định đã thanh lý	954.808.802	-
Chi phí của lô hàng bị tổn thất được bảo hiểm	4.853.105.750	-
Chi phí khác	457.275	2.092.000
Cộng	5.808.371.827	2.092.000
Lợi nhuận khác	28.866.174	1.530.949.934

23. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho năm hiện tại		
Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế	(1.452.602.871)	336.919.887
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	-	-
Thu nhập chịu thuế	(1.452.602.871)	336.919.887
Thuế suất thông thường	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	84.229.972
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn giảm (*)	-	(42.114.986)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	42.114.986

(*): Công ty được giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2011 do đáp ứng tiêu chí về doanh nghiệp vừa và nhỏ theo hướng theo Nghị quyết số 08/2011/QH13 của Quốc hội. Trong năm, Công ty chưa thực hiện theo dõi riêng doanh thu hoạt động kinh doanh bất động sản, theo đó, Công ty không tách riêng được phần thuế thu nhập doanh nghiệp không được ưu đãi. Tuy nhiên, Ban Giám đốc Công ty đánh giá, số thuế của hoạt động kinh doanh bất động sản mà không được ưu đãi thuế không ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của Công ty.

24. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Năm 2012 VND	Năm 2011 (trình bày lại) VND
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	(1.452.602.871)	294.804.901
Lợi nhuận trong năm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ	(1.452.602.871)	294.804.901
Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân	1.789.028	1.789.028
Lãi (lỗ) cơ bản trên cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ	(812)	165

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

25. GIAO DỊCH VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có các giao dịch và số dư chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Bản chất bên liên quan	Năm 2012
		VND
Bán hàng		101.412.649.242
Công ty Cổ phần Xây dựng và Chế biến Lương thực Vĩnh Hà	Công ty có vốn góp của công ty mẹ	2.335.368.242
Công ty Cổ phần Lương thực Thái Nguyên	Công ty có vốn góp của công ty mẹ	29.400.000
Công ty Cổ phần Lương thực Cao Lạng	Công ty có vốn góp của công ty mẹ	7.580.530.000
Công ty Cổ phần Lương thực Hà Bắc	Công ty có vốn góp của công ty mẹ	4.410.000.000
Tổng Công ty Lương thực Miền Bắc	Công ty mẹ	87.057.351.000
Mua hàng		22.202.206.750
Công ty Cổ phần Lương thực Hà Bắc	Công ty có vốn góp của công ty mẹ	9.527.960.000
Công ty Cổ phần Lương thực Sơn La	Công ty có vốn góp của công ty mẹ	3.080.000.000
Công ty Cổ phần Phân phối bán lẻ VNF1	Công ty có vốn góp của công ty mẹ	230.000.000
Công ty Cổ phần Kinh doanh Bao bì Lương thực	Công ty có vốn góp của công ty mẹ	536.990.500
Tổng Công ty Lương thực Miền Bắc	Công ty mẹ	8.827.256.250
Số dư với các bên liên quan		31/12/2012
		VND
Các khoản phải thu		
Công ty Cổ phần lương thực Hà Bắc	Công ty có vốn góp của công ty mẹ	661.500.000
Công ty Cổ phần Phân phối bán lẻ VNF1	Công ty có vốn góp của công ty mẹ	212.244.200
Lương và thu nhập của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc		Năm 2012
		VND
Lương và thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc		618.328.000
Cộng		618.328.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

26. ĐIỀU CHỈNH HỒI TỐ CHỈ TIÊU BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chi tiêu	Mã số	Số dư tại ngày 01/01/2012		Chênh lệch	Ghi chú
		Trước điều chỉnh	Sau điều chỉnh		
<u>Điều chỉnh chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán</u>					
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	319	1.920.242.079	1.895.777.356	24.464.723	[4]
Lợi nhuận (lỗ) chưa phân phối	420	1.313.304.901	294.804.901	1.018.500.000	[3]
		Năm 2011		Chênh lệch	Ghi chú
		Trước điều chỉnh	Sau điều chỉnh		
<u>Điều chỉnh chỉ tiêu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</u>					
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	2.181.132.554	3.345.132.554	(1.164.000.000)	[1]
Lợi nhuận kế toán trước thuế	50	1.500.919.887	336.919.887	1.164.000.000	[1]
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	187.614.986	42.114.986	145.500.000	[2]
Lợi nhuận kế toán sau thuế	60	1.313.304.901	294.804.901	1.018.500.000	[3]
<u>Điều chỉnh chỉ tiêu trên Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ</u>					
Thay đổi chi phí trả trước	12	(1.201.548.325)	(37.548.325)	(1.164.000.000)	[1]
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(3.763.197.927)	(2.599.197.927)	(1.164.000.000)	[1]

Ghi chú:

[1]. Giảm chỉ tiêu Chi phí trả trước ngắn hạn, tăng chỉ tiêu Chi phí Quản lý doanh nghiệp, tiền thuế đất 2011 Công ty chưa nhận vào Chi phí trong năm 2011.

[2]. Ghi giảm thuế phải nộp do tăng chi phí Quản lý [1]; giá trị thuế giảm bằng giá trị thuế sau khi đã trừ số tiền thuế được giảm 50%.

[3]. Ảnh hưởng sau khi [1] - [2]

27. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh được kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác, một số chỉ tiêu đã được điều chỉnh lại theo kết quả kiểm toán như trình bày tại Thuyết minh số 26-Điều chỉnh hồi tố chỉ tiêu báo cáo tài chính.



Nguyễn Đình Mạo
Giám đốc

Hà Nội, ngày 07 tháng 02 năm 2013

Đào Thị Hoàng Yến
Kế toán trưởng

Đào Thị Hoàng Yến
Người lập